

KINH TẾ CHÍNH TRỊ - CUỐI KỲ

1. Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa là gì? Chỉ ra mối quan hệ giữa giá trị hàng hóa và giá trị thặng dư. Hãy nêu các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. - Nêu KN theo giáo trình - Nếu W là giá trị hàng hóa, $W = C + V + m$ thì m là một phần của giá trị - Các hình thức: m, lợi tức, địa tô TBCN

Khái niệm giá trị thặng dư:

Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa là phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động, do người bán sức lao động tạo ra và bị nhà tư bản chiếm đoạt. Ký hiệu là m

Để tiến hành sản xuất, nhà tư bản phải ứng tư bản ra mua tư liệu sản xuất và sức lao động. Vì vậy, ta cần phân tích rõ vai trò của tư liệu sản xuất trong mối quan hệ với người lao động trong quá trình làm tăng giá trị thông qua hai thuật ngữ: tư bản bất biến và tư bản khả biến.

Tư bản bất biến: là tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo tồn và chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm, tức là giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất. Ký hiệu là c.

Tư bản khả biến: là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân mà tăng lên, tức là biến đổi về số lượng trong quá trình sản xuất. Ký hiệu là v.

Nếu gọi G là giá trị hàng hóa thì mối quan hệ giữa giá trị hàng hóa và giá trị thặng dư được biểu diễn dưới dạng công thức như sau:

$$G = c + (v + m)$$

Trong đó: (v + m) là bộ phận giá trị mới của hàng hóa, do hao phí lao động tạo ra; c là giá trị của những tư liệu sản xuất đã được tiêu dùng và được chuyển vào giá trị sản phẩm mới.

Các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa:

- Lợi nhuận: phần giá trị thặng dư được tạo ra trong quá trình sản xuất mà nhà tư bản công nghiệp nhượng cho tư bản thương nghiệp, để tư bản thương nghiệp bán hàng hoá thay cho mình.
- Lợi tức: một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay trả cho nhà tư bản cho vay về quyền sở hữu tư bản để được quyền sử dụng tư bản trong một thời gian nhất định
- Địa tô tư bản chủ nghĩa: phần lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân của tư bản kinh doanh trong nông nghiệp do công nhân nông nghiệp tạo ra, mà nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp phải nộp cho địa chủ với tư cách là kẻ sở hữu ruộng đất

2. Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa là gì? Phân tích các phương pháp SX GTTD - KN Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa theo giáo trình - Nêu và phân tích 2 phương pháp SX GTTD (tương đối và tuyệt đối)

Khái niệm giá trị thặng dư:

Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động, do người bán sức lao động tạo ra và thuộc về nhà tư bản.

Các phương pháp cơ bản để gia tăng giá trị thặng dư bao gồm phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối:

+ Giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được do kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi.(101)

Thí dụ, ngày lao động là 8 giờ, thời gian lao động tất yếu là 4 giờ, thời gian lao động thặng dư là 4 giờ, mỗi giờ công nhân tạo ra một giá trị mới là 10 đơn vị, thì giá trị thặng dư tuyệt đối là 40 và tỷ suất giá trị thặng dư là:

$$m' = 40/40 \times 100 \% = 100\%$$

Nếu kéo dài ngày lao động thêm 2 giờ nữa, mọi điều kiện khác vẫn như cũ, thì giá trị thặng dư tuyệt đối tăng lên 60 và m' cũng tăng lên thành:

$$m' = 60/40 \times 100 \% = 150 \%$$

Việc kéo dài ngày lao động không thể vượt quá giới hạn sinh lý của công nhân (vì họ còn phải có thời gian ăn, ngủ, nghỉ ngơi, giải trí để phục hồi sức khỏe) nên gặp phải sự phản kháng gay gắt của giai cấp công nhân đòi giảm giờ làm. Vì lợi nhuận, khi độ dài ngày lao động không thể kéo dài thêm, nhà tư bản tìm cách tăng cường độ lao động của công nhân. Tăng cường độ lao động về thực chất cũng tương tự như kéo dài ngày lao động. Vì vậy, kéo dài thời gian lao động

+ Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được nhờ rút ngắn thời gian lao động tất yếu: do đó kéo dài thời gian lao động thặng dư trong khi độ dài ngày lao động không thay đổi hoặc thậm chí rút ngắn.(102)

Thí dụ, ngày lao động là 10 giờ, trong đó 5 giờ là lao động tất yếu, 5 giờ là lao động thặng dư. Nếu giá trị sức lao động giảm đi 1 giờ thì thời gian lao động tất yếu xuống còn 4 giờ. Do đó, thời gian lao động thặng dư tăng từ 5 giờ lên 6 giờ và m' tăng từ 100% lên 150%.

Để hạ thấp giá trị sức lao động thì phải giảm giá trị các tư liệu sinh hoạt và dịch vụ cần thiết cho người công nhân. Muốn vậy phải tăng năng suất lao động xã hội trong các ngành sản xuất tư liệu tiêu dùng và các ngành sản xuất tư liệu sản xuất để trang bị cho ngành sản xuất ra các tư liệu tiêu dùng

3. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN? Cần làm gì để hoàn thiện thể chế này? - Nêu KN theo giáo trình - Chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện, kém hiệu quả - Phân tích phương hướng hoàn thiện thể chế

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là hệ thống đường lối, chủ trương chiến lược, hệ thống luật pháp, chính sách quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh chức năng, hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nhằm hướng tới xác lập đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường hiện đại theo hướng góp phần thúc đẩy dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Lý do phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- + Thứ nhất, do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa đồng bộ. Do mới được hình thành và phát triển, cho nên, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế là yêu cầu mang tính khách quan. Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế thị trường bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ khác nhằm giảm thiểu các thất bại của thị trường, thực hiện công bằng xã hội. Do đó, cần phải xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường để phát huy một tích cực, khắc phục mặt tiêu cực và khuyết tật của nó.

- + Thứ hai, hệ thống thể chế chưa đầy đủ. Thể chế kinh tế thị trường là sản phẩm của nhà nước, nhà nước với tư cách là tác giả của thể chế chính thức nên đương nhiên là nhân tố quyết định số lượng, chất lượng của thể chế cũng như toàn bộ tiến trình xây dựng và hoàn thiện thể chế. Với bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do vậy thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam phải là thể chế phục vụ lợi ích, vì lợi ích của nhân dân. Trình độ và năng lực tổ chức và quản lý nền kinh tế thị trường của Nhà nước thể hiện chủ yếu ở năng lực xây dựng và thực thi thể chế. Do vậy, Nhà nước phải xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường để thực hiện mục tiêu của nền kinh tế.

- + Thứ ba, hệ thống thể chế còn kém hiệu lực, hiệu quả, thiếu các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

Trên thực tế, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn nhiều khiếm khuyết, hệ thống thể chế vừa chưa đủ mạnh, vừa hiệu quả thực thi chưa cao. Các yếu tố thị trường, các loại hình thị trường mới ở trình độ sơ khai. Do đó, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là yêu cầu khách quan.

4. Tại sao phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam? - Nêu KN KTTT định hướng XHCN theo giáo trình - Phân tích tính khách quan của nó

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường, đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh; có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.(170)

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu của Việt Nam xuất phát từ những lý cơ sở bản sau:

- + Một là, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phù hợp với hướng phát triển khách quan của Việt Nam trong bối cảnh thế giới hiện nay:

Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao. Khi có đủ các điều kiện cho sự tồn tại và phát triển, nền kinh tế hàng hóa tự hình thành. Sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa theo các quy luật tất yếu đạt tới trình độ nền kinh tế thị trường. Đó là tính quy luật. Ở Việt Nam, các điều kiện cho sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường đang tồn tại khách quan. Do đó, sự hình thành kinh tế thị trường ở Việt Nam là tất yếu khách quan.

- + Hai là, do tính ưu việt của kinh tế thị trường trong thúc đẩy phát triển Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa:

Thực tiễn trên thế giới và Việt Nam cho thấy kinh tế thị trường là phương thức phân bổ nguồn lực hiệu quả mà loài người đã đạt được so với các mô hình kinh tế phi thị trường. Kinh tế thị trường luôn là động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh và có hiệu quả. Dưới tác động của các quy luật thị trường, nền kinh tế luôn phát triển theo hướng năng động, kích thích tiến bộ kỹ thuật - công nghệ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hạ giá thành. Xét trên góc độ đó, sự phát triển của kinh tế thị trường không hề mâu thuẫn với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

- + Ba là, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với nguyện vọng mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của người dân Việt Nam(173-176):

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ phá vỡ tính chất tự cấp, tự túc, lạc hậu của nền kinh tế; đẩy mạnh phân công lao động xã hội, phát triển ngành, nghề; tạo việc làm cho người lao động; thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, khuyến khích ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới bảo đảm tăng năng suất lao động, tăng số lượng, chất lượng và chủng loại hàng hóa, dịch vụ góp phần từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân; thúc đẩy tích tụ và tập trung sản xuất, mở rộng giao lưu kinh tế giữa các vùng, miền trong nước và với nước ngoài; khuyến khích tính năng động, sáng tạo trong các hoạt động kinh tế; tạo cơ chế phân bổ và sử dụng các nguồn lực xã hội một cách hợp lý, tiết kiệm... Điều này phù hợp với khát vọng của người dân Việt Nam.

5. Hội nhập kinh tế quốc tế là gì? Theo Anh (chị), chúng ta có nên tiếp nhận nguồn vốn từ nước ngoài đầu tư vào Việt Nam hay không? Nhà nước cần phải làm gì để đạt hiệu quả trong phát triển kinh tế khi hội nhập kinh tế quốc tế? - Nêu KN theo giáo trình - Nêu tiếp nhận, giải thích bằng cách nêu và phân tích các mặt tích cực do hội nhập mang đến. - Phương hướng nâng cao hội nhập KTQT (6 ý)

Khái niệm của hội nhập kinh tế quốc tế:

(260) Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

Chúng ta nên tiếp nhận nguồn vốn từ nước ngoài đầu tư vào Việt Nam vì :

Tạo điều kiện mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học - ng nghệ, vốn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước:

Hội nhập kinh tế quốc tế thực chất là mở rộng thị trường để thúc đẩy thương mại phát triển, tạo điều kiện sản xuất trong nước, tận dụng các lợi thế kinh tế của ớc ta trong phân công lao động quốc tế, phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang chiều sâu với hiệu quả cao.

Hội nhập kinh tế quốc tế tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, hiện đại và hiệu quả hơn, qua đó hình thành các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn để nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế của các sản phẩm và doanh nghiệp trong nước; góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, làm tăng khả năng thu hút khoa học - công nghệ hiện đại và đầu tư bên ngoài vào nền kinh tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế làm tăng cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước tiếp cận thị trường quốc tế, nguồn tín dụng và các đối tác quốc tế để thay đổi công nghệ sản xuất, tiếp cận với phương thức quản trị phát triển để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội để cải thiện tiêu dùng trong nước, người dân được thụ hưởng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đa dạng về chủng loại, mẫu mã và chất lượng với giá cạnh tranh; được tiếp cận và giao lưu nhiều hơn với thế giới bên ngoài, từ đó có cơ hội tìm kiếm việc làm cả ở trong nước lẫn ngoài nước.

- Hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện để các nhà hoạch định chính sách nắm bắt tốt hơn tình hình và xu thế phát triển của thế giới, từ đó xây dựng và điều chỉnh chiến lược phát triển hợp lý, để ra chính sách phát triển phù hợp cho đất nước.

Tạo cơ hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Hội nhập kinh tế quốc tế giúp nâng cao trình độ của nguồn nhân lực và tiềm lực khoa học - công nghệ quốc gia. Nhờ đẩy mạnh hợp tác giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học với các nước mà nâng cao khả năng hấp thu khoa học - công nghệ hiện đại và tiếp thu công nghệ mới thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nền kinh tế.

Tạo điều kiện để thúc đẩy hội nhập của các lĩnh vực văn hóa, chính trị, củng cố an ninh - quốc phòng:

Hội nhập kinh tế quốc tế là tiền đề cho hội nhập về văn hóa, tạo điều kiện để tiếp thu những giá trị tinh hoa của thế giới bổ sung những giá trị và tiến bộ của văn hóa, văn minh của thế giới để làm giàu thêm văn hóa dân tộc và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Hội nhập kinh tế quốc tế còn tác động mạnh đến hội nhập chính trị, tạo điều kiện cho cải cách toàn diện hướng tới xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng một xã hội mở, dân chủ, văn minh.

Hội nhập tạo điều kiện để mỗi nước tìm cho mình một vị trí thích hợp trong trật tự quốc tế, nâng cao vai trò, uy tín và vị thế quốc tế của nước ta trong các tổ chức chính trị, kinh tế toàn cầu.

Hội nhập kinh tế quốc tế giúp đảm bảo an ninh quốc gia, duy trì hòa bình. Ổn định ở khu vực và quốc tế để tập trung cho phát triển kinh tế xã hội: đồng thời mở ra khả năng phối hợp các nỗ lực và nguồn lực của các nước để giải

Phương hướng nâng cao hội nhập KTQT:

- Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại
- Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp
- Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực.
- Hoàn thiện thể chế kinh tế và pháp luật
- Nâng cao khả năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế vào năng lực cạnh tranh của nền kinh tế cũng như của các doanh nghiệp.
- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam.(269-283)

6. Tại sao các quốc gia cần phải tiến hành công nghiệp hóa? Phân tích đặc trưng chiến lược công nghiệp hóa của Hàn Quốc (Nhật, Trung Quốc) và rút ra bài học cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay? - Nêu KN CNH theo giáo trình - Nêu và phân tích chiến lược của quốc gia đề thi yêu cầu - Bài học kinh nghiệm cho VN cần căn cứ trên chiến lược CNH của quốc gia theo đề thi, lưu ý: bài học cho VN phải dựa trên chiến lược của quốc gia vừa nêu và phải gắn chặt, liên quan với nhau.

Công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi nền sản xuất hàng hóa từ dựa trên lao động thủ công là chính sang nền sản xuất hàng hóa dựa chủ yếu trên lao động bằng máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động cao.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý khoa học – kỹ thuật, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại; dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội Cao.

Chính vì vậy, nếu không có quá trình công nghiệp hóa thì không thể hiện đại hóa quy trình sản xuất nhằm tối ưu hóa và tăng cao năng suất lao động dẫn đến

kinh tế kém phát triển, cho nên các quốc gia cần phải tiến hành công nghiệp hóa.

Để phân tích đặc trưng chiến lược công nghiệp hóa của Hàn Quốc và rút ra bài học cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay thì trước hết ta phải tìm hiểu quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam có những đặc điểm gì và chiến lược công nghiệp hóa của Hàn Quốc là như thế nào.

Đặc điểm quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay:

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn với phát triển kinh tế tri thức
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế

Lý do khách quan phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam:

- Là quy luật phổ biến của lực lượng sản xuất xã hội mà các quốc gia đều phải thực hiện
- Với các nước đang phát triển trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội như Việt Nam chúng ta, việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phải bắt đầu và thông qua từ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đặc trưng chiến lược công nghiệp hóa của Hàn Quốc:

- Giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp:

Thứ nhất, kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm nhằm đặt ra các mục tiêu quốc gia rõ ràng và các hành động được tổ chức trên toàn ngành công nghiệp, công nghệ, thương mại, giáo dục và lĩnh vực cơ sở hạ tầng

Thứ hai, cung cấp ngoại tệ, tài chính ưu đãi và các đặc quyền khác cho các tập đoàn gia đình

Thứ ba, chuyển dịch từ công nghiệp nhẹ sang công nghiệp nặng và công nghệ cao bằng cách nuôi dưỡng các tác nhân R&D, tăng cường đầu tư và nguồn nhân lực cho R&D

Thứ tư, nhập khẩu công nghệ tiên tiến thông qua các khoản nợ nước ngoài thay vì thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ năm, điều hành các chương trình R&D quốc gia quy mô lớn, trung và dài hạn. Để nâng cao năng lực KH&CN quốc gia và nâng cao các công nghệ công nghiệp cốt lõi, Hàn Quốc đã lập kế hoạch và điều hành các chương trình R&D quốc gia trong các lĩnh vực mà các doanh nghiệp tư nhân khó phát triển.

Thứ sáu, thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu; đặc biệt chú trọng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của những ngành công nghệ có kỹ thuật cao

- Giai đoạn hậu bắt kịp:

Thứ nhất, chính sách đổi mới sáng tạo bao gồm các vấn đề cải thiện xã hội, cũng như các vấn đề phát triển kinh tế và khoa học

Thứ hai, các công cụ chính sách chính để giải quyết một số vấn đề là:

- 1) Đầu tư vào R&D lấy doanh nghiệp vừa và nhỏ làm trung tâm
- 2) Công nghiệp mới và tạo việc làm thông qua việc chuẩn bị cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- 3) Cải cách ngành sản xuất
- 4) Đổi mới sáng tạo ngành dịch vụ
- 5) R&D tạo ra sự đổi mới sáng tạo đột phá

Tuy nhiên, để đạt được những chính sách nêu trên, yếu tố thúc đẩy kinh tế Hàn Quốc phát triển vững chắc nhất là:

Giáo dục: nỗ lực học hỏi từ các quốc gia có nền công nghiệp phát triển hơn; thúc đẩy nghiên cứu khoa học – công nghệ; cải cách chương trình giảng dạy nhằm trang bị kỹ năng thực tiễn

Hoạch định chính sách: thúc đẩy nền kinh tế xuất khẩu hàng hóa trong nước; tuyển dụng những nhà hoạch định chính sách có tầm nhìn

Viện trợ nước ngoài: sử dụng hiệu quả khoản viện trợ này

Các tập đoàn gia đình: chính phủ Hàn Quốc dựa vào các tập đoàn gia đình để đạt được mục tiêu của chính sách kinh tế. Ngược lại, sự phát triển của các tập đoàn gia đình chủ yếu đạt được nhờ sự hỗ trợ của chính phủ Việt Nam và Hàn Quốc là hai quốc gia châu Á có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa và kinh tế xã hội. Vì vậy những gì mà Hàn Quốc đã trải qua là bài học kinh nghiệm đáng giá cho Việt Nam:

- Liên tục nâng cấp cơ cấu công nghiệp theo các ngành có lợi thế so sánh hoặc có cơ hội phát triển.
- Sử dụng các quan hệ kinh tế đối ngoại, trọng tâm là xuất khẩu làm đòn bẩy cho quá trình công nghiệp hóa
- Trong quá trình công nghiệp hóa, chính phủ đóng vai trò rất lớn trong việc chỉ đạo, định hướng cho sự phát triển của quốc gia
- Kinh nghiệm về đầu tư phát triển nguồn nhân lực và chính sách khoa học công nghệ

7. Các tác động và phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế đến quá trình phát triển ở nước ta? - Nêu KN hội nhập KTQT theo giáo trình - Nêu và phân tích tác động tích cực, tiêu cực do hội nhập KTQT mang đến - Nêu và phân tích phương hướng nâng cao (6 phương hướng) (Chương 6 - Trang 166)

Khái niệm Hội nhập KTQT

Hội nhập KTQT của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

Tác động của Hội nhập KTQT đến phát triển của Việt Nam

Hội nhập KTQT là quá trình gia tăng sự liên hệ giữa nền KT Việt Nam với nền KT thế giới. Do đó, một mặt, quá trình hội nhập sẽ tạo ra nhiều tác động tích cực đối với quá trình phát triển của VN, mặt khác cũng đồng thời đưa đến nhiều thách thức đòi hỏi phải vượt qua mới có thể thu được những lợi ích to lớn từ quá trình hội nhập kinh tế thế giới đem lại.

*** Về tác động tích cực:**

- **Tận dụng lợi thế so sánh quốc gia:** Hội nhập KTQT thúc đẩy thương mại phát triển, tạo điều kiện cho sản xuất trong nước, tận dụng các lợi thế KT của nước ta trong phân công lao động quốc tế, phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang chiều sâu với hiệu quả cao.
- **Chuyển dịch lĩnh vực KT mũi nhọn:** Hội nhập KTQT tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiệu quả hơn, qua đó hình thành các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng khả năng thu hút công nghệ hiện đại và đầu tư nước ngoài.
- **Nâng cao trình độ Khoa học Công nghệ quốc gia:** Nhờ đẩy mạnh hợp tác giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học với các nước mà nâng cao khả năng hấp thụ khoa học công nghệ hiện đại thông qua đầu tư trực tiếp và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nền kinh tế.
- **Đổi mới sản xuất:** Các doanh nghiệp trong nước có nhiều cơ hội để tiếp cận thị trường, nguồn tín dụng và các đối tác quốc tế để thay đổi công nghệ sản xuất, phương thức quản trị để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.
- **Cải thiện hoạt động trong tiêu dùng:** Người tiêu dùng trong nước có nhiều cơ hội để hưởng thụ các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đa dạng về chủng loại, mẫu mã và chất lượng với giá cạnh tranh; được giao lưu nhiều hơn với thế giới bên ngoài, từ đó có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm trong và ngoài nước.
- **Tạo điều kiện hoạch định chính sách:** Hội nhập KTQT tạo điều kiện cho các nhà hoạch định chính sách nắm bắt tốt hơn tình hình và xu thế phát triển của thế giới, từ đó đề ra chính sách phát triển phù hợp cho đất nước.
- **Tiền đề cho hội nhập văn hóa:** Hội nhập KTQT cũng tạo điều kiện cho nước ta tiếp thu tinh hoa văn hóa của thế giới, bổ sung những giá trị và tiến bộ văn minh của thế giới để làm giàu văn hóa dân tộc, thúc đẩy tiến bộ xã hội.
- **Tác động hội nhập chính trị:** Hội nhập KTQT tạo điều kiện cho cải cách toàn diện hướng tới xây dựng một nhà nước pháp quyền XHCN dân chủ, văn minh; tạo điều kiện để nước ta tìm cho mình một vị trí thích hợp trong trật tự quốc tế, nâng cao vai trò, uy tín và vị thế quốc tế của nước ta trong các tổ chức chính trị, kinh tế toàn cầu,...

*** Về tác động tiêu cực:**

- **Cạnh tranh gay gắt:** Hội nhập KTQT làm tăng sự cạnh tranh gay gắt khiến nhiều doanh nghiệp và ngành kinh tế nước ta gặp khó khăn trong phát triển, thậm chí phá sản.
- **Gia tăng phụ thuộc của nền KT quốc gia vào thị trường bên ngoài:** Điều này khiến nền kinh tế dễ bị tổn thương và ảnh hưởng khôn lường về chính trị, kinh tế và thị trường quốc tế

- **Không công bằng, phân biệt giàu nghèo:** Phân phối không công bằng lợi ích và rủi ro cho các nước và các nguồn khác nhau trong xã hội, nguy cơ làm tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội.
- **Tàn phá môi trường:** Có nguy cơ trở thành bãi thải công nghiệp và công nghệ thấp, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường.
- **Thách thức với quyền lực nhà nước, chủ quyền quốc gia:** Hội nhập KTQT có thể làm phát sinh nhiều vấn đề phức tạp đối với việc duy trì an ninh và ổn định trật tự xã hội.
- Tăng nguy cơ xói mòn bản sắc dân tộc và văn hóa truyền thống:
- Tăng tình trạng khủng bố quốc tế, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh, nhập cư bất hợp pháp,...

Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập KTQT:

1. Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập KTQT mang lại
2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp
3. Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết KTQT và thực hiện đầy đủ các cam kết của VN trong các liên kết KTQT và khu vực
4. Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp
5. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế
6. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam

8. Trình bày tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. Phân tích mối quan hệ giữa tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa với hai thuộc tính của hàng hóa. Tại sao lao động sản xuất hàng hóa vừa mang tính tư nhân, vừa mang tính xã hội? - Trình bày tính 2 mặt của LĐSXHH: LĐ trừu tượng, LĐ cụ thể - Nêu 2 thuộc tính của HH và mối quan hệ, đó là: LĐ trừu tượng tạo ra GT, LĐ cụ thể tạo ra GTSD - Mang tính tư nhân: các chủ thể SX tách biệt do có sự tách biệt về kinh tế (SX cái gì, thế nào, Chi phí SX có khi không ăn khớp với chi phí XH); nhưng lại nằm trong hệ thống SX xã hội (tính xã hội) (Chương 2 - Trang 21)

Tính hai mặt của LĐSXHH:

LĐSXHH có tính hai mặt, đó là lao động cụ thể và lao động trừu tượng:

- **Lao động cụ thể:** Là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định. Mỗi lao động cụ thể có mục đích lao động, đối tượng lao động, công cụ lao động, phương pháp lao động riêng và kết quả riêng. Chính những cái riêng đó phân biệt các loại lao động cụ thể khác nhau. Chẳng hạn, lao động của người thợ may và lao động của người thợ mộc là hai loại lao động cụ thể khác nhau. Lao động của người thợ may có mục đích là làm ra quần áo chứ không phải bàn ghế; phương pháp là may chứ không phải bào, cưa...; có công cụ lao động là kim, chỉ, máy may chứ không phải là cái bào, cái cưa,...; và lao động của người thợ may nhằm tạo ra quần áo để mặc, còn lao động của người thợ mộc thì tạo ra ghế để ngồi... Điều đó có nghĩa là: Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa.

- **Lao động trừu tượng:** Là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa đã gạt bỏ hình thức biểu hiện cụ thể của nó để quy về các chung đồng nhất, đó là sự tiêu phí sức lao động, tiêu hao

sức cơ bắp, thần kinh của con người. C.Mác viết “Nếu như không kể đến tính chất cụ thể nhất định của hoạt động sản xuất, và do đó, đến tính có ích của lao động thì lao động ấy còn lại có một cái là sự tiêu phí sức lao động của con người”.

Nếu lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng thì lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hóa. Như vậy, có thể nói, giá trị của hàng hóa là lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa. Đó cũng chính là mặt chất của giá trị hàng hóa.

LĐSXHH vừa mang tính tư nhân, vừa mang tính XH:

Tính chất hai mặt của LĐSXHH phản ánh tính chất tư nhân và tính chất xã hội của LĐSXHH.

Trong nền kinh tế hàng hóa, sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai là do mỗi chủ thể tự quyết định. Họ là những người sản xuất độc lập, lao động của họ, vì vậy, có tính chất tư nhân, và lao động cụ thể của họ là biểu hiện của lao động tư nhân.

Đồng thời, lao động của người SXHH là lao động xã hội vì nó là một bộ phận của toàn bộ lao động xã hội trong hệ thống phân công lao động xã hội. Phân công lao động xã hội tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau giữa những người sản xuất hàng hóa. Họ làm việc cho nhau, thông qua trao đổi hàng hóa. Việc trao đổi hàng hóa không thể căn cứ vào lao động cụ thể mà phải quy lao động cụ thể về lao động chung đồng nhất - lao động trừu tượng. Do đó, lao động trừu tượng là biểu hiện của lao động xã hội.

Giữa lao động tư nhân và lao động xã hội có mâu thuẫn với nhau. Đó là mâu thuẫn cơ bản của SXHH giản đơn. Mâu thuẫn cơ bản này biểu hiện:

- Sản phẩm do người sản xuất tạo ra và nhu cầu xã hội không ăn khớp với nhau, hoặc không đủ cung cấp cho xã hội, hoặc vượt quá nhu cầu của xã hội. Trong trường hợp sau sẽ có một số hàng hóa không bán được - không thực hiện được giá trị.

- Mức tiêu hao lao động cá biệt của người SXHH cao hơn so với mức tiêu hao mà xã hội có thể chấp nhận; khi đó hàng hóa cung cấp cũng không bán được hoặc bán được nhưng không thu hồi đủ chi phí lao động bỏ ra.

Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội chứa đựng khả năng sản xuất “thừa” và là mầm mống của mọi mâu thuẫn của CNTB.

9. Cách mạng công nghiệp có vai trò gì đối với sự phát triển của các quốc gia? Phân tích đặc trưng chiến lược công nghiệp hóa của Hàn Quốc và bài học cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam? - Nêu khái niệm CMCN - Vai trò (3 vai trò trong giải trình) - Nêu khái niệm CNH - Nêu tình hình sơ bộ của Hàn Quốc - CNH Hàn Quốc: (i) đẩy mạnh xuất khẩu, (ii) tăng cường nguồn lực tài chính để phát triển, (iii) nhà nước đóng vai trò dẫn dắt nền kinh tế. - Bài học cho VN dựa trên CNH của Hàn Quốc.

Khái niệm cách mạng công nghiệp:

CMCN là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của tư liệu lao động nên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghệ trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động xã hội cũng như tạo ra bước phát triển năng

suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kỹ thuật - công nghệ đó vào đời sống xã hội.

-

Một là, thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất:

Hai là, thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất

Ba là, thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển

10.Lý thuyết Chương 2: Về hàng hóa, giá trị, giá trị sử dụng của HH; mặt chất, lượng của HH; các quy luật kinh tế đặc biệt là quy luật giá trị

11.Lý thuyết Chương 3: Giá trị thặng dư (m), các phương pháp SX GTTD, GTTD siêu ngạch...

12.Chương 5: Kinh tế thị trường, KTTT định hướng XHCN là gì; thể chế kinh tế; thể chế KTTT...

13.Chương 6: Các khái niệm CNH, HĐH, CMCN, vì sao phải CNH,HĐH; các nội dung CNH,HĐH ở nước ta; Hội nhập KT quốc tế và tính khách quan của nó...

Khái niệm về cách mạng công nghiệp

Cách mạng công nghiệp là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của tư liệu lao động trên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghệ trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động xã hội cũng như tạo bước phát triển năng suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kỹ thuật công nghệ đó vào đời sống xã hội.

TQ:

Thất bại trước đó của TQ:

Chính sách đầy tham vọng để rồi ngập chìm trong thất bại của nhà Thanh.

Nền cộng hòa mới đã cố gắng công nghiệp hóa Trung Quốc bằng cách bắt chước toàn bộ các thể chế chính trị của Hoa Kỳ, bao gồm nền dân chủ và phân chia quyền lực một cách không phù hợp

30 năm bắt chước mô hình kế hoạch hóa tập trung của Liên Xô.

Phân tích chiến lược CNH của TQ:

1978-1988: tiền công nghiệp hóa. Giai đoạn này có sự mọc lên của hàng triệu doanh nghiệp nông thôn (thuộc sở hữu chung thay vì thuộc sở hữu tư nhân của nông dân) trên khắp các vùng nông thôn và thị trấn nhỏ rộng lớn của Trung Quốc; các doanh nghiệp này đóng vai trò là động lực tăng trưởng kinh tế quốc gia trong 10 năm đầu đổi mới nền kinh tế. Số lượng doanh nghiệp làng nghề tăng hơn 12 lần (từ 1,5 triệu lên 18,9 triệu), tổng sản lượng công nghiệp làng nghề tăng hơn 13,5 lần (từ 14% tổng sản phẩm quốc nội, hay GDP, lên 46% GDP), làng nghề nông dân-công nhân đã tăng lên gần 100 triệu vào năm 1988, và tổng thu nhập tiền lương của nông dân tăng gấp 12 lần. Do sự tăng trưởng phi thường như vậy trong việc cung cấp hàng tiêu dùng cơ bản, Trung Quốc đã chấm dứt nền kinh tế thiếu hụt (một đặc điểm điển hình của tất cả các nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, được đặc trưng bởi khẩu phần thịt, thực phẩm khác, quần áo và các mặt hàng tiêu dùng cơ bản khác) vào giữa những năm 1980, đồng thời giải quyết vấn đề an ninh lương thực. 800 triệu nông dân là những người hưởng lợi lớn nhất từ cải cách kinh tế trong giai đoạn này.

1988-1998: cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. Giai đoạn này đặc trưng cho việc sản xuất hàng loạt hàng tiêu dùng nhẹ sử dụng nhiều lao động trên khắp các vùng nông thôn và thành thị của Trung Quốc, chủ yếu dựa vào máy móc nhập khẩu. Trong giai đoạn này, Trung Quốc đã trở thành nhà sản xuất và xuất khẩu hàng dệt lớn nhất thế giới, nhà sản xuất và nhập khẩu bông lớn nhất, đồng thời là nhà sản xuất và xuất khẩu đồ nội thất và đồ chơi lớn nhất. Các doanh nghiệp nông thôn tiếp tục phát triển vượt bậc và công nhân của họ chiếm 30% toàn bộ lực lượng lao động nông thôn của Trung Quốc (không bao gồm lao động nhập cư). Sản lượng công nghiệp của làng tăng 28 phần trăm mỗi năm, tăng gấp đôi cứ sau ba năm (tăng gấp 66 lần) trong khoảng thời gian từ 1978 đến 2000.

1998-nay: cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai. Giai đoạn này đặc trưng cho việc sản xuất hàng loạt phương tiện sản xuất hàng loạt. Do thị trường trong nước mở rộng nhanh chóng và to lớn đối với hàng hóa trung gian, máy móc và vận tải, đã có sự gia tăng lớn trong tiêu thụ và sản xuất than, thép, xi măng, sợi hóa học, máy công cụ, đường cao tốc, cầu, đường hầm, tàu, v.v. Tổng cộng, 2,6 triệu dặm đường công cộng đã được xây dựng, bao gồm hơn 70.000 dặm đường cao tốc (nhiều hơn 46% so với ở Mỹ). 28 tỉnh (trong số 30) có tàu cao tốc (với tổng chiều dài vượt quá 10.000 dặm, nhiều hơn 50% so với tổng chiều dài của phần còn lại của thế giới).

Đất nước này từ chối nhận lời khuyên từ các nhà kinh tế phương Tây (không giống như những gì Nga đã làm trong những năm 1990) và thay vào đó thực hiện một cách tiếp cận thử nghiệm, dần dần, rất khiêm tốn với các cải cách kinh tế của mình. Chìa khóa của phương pháp này là:

- giữ vững ổn định chính trị bằng mọi giá;
- tập trung vào cơ sở, cải cách từ dưới lên (bắt đầu từ nông nghiệp thay vì tài chính);

- thúc đẩy các ngành công nghiệp nông thôn mặc dù công nghệ thô sơ của họ;
- sử dụng hàng hóa sản xuất (thay vì chỉ tài nguyên thiên nhiên) để đổi lấy máy móc;
- cung cấp hỗ trợ to lớn của chính phủ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng;
- tuân theo hệ thống song hành giữa chính phủ/sở hữu tư nhân thay vì tư nhân hóa toàn bộ;
- Và chuyển lên nấc thang công nghiệp, từ công nghiệp nhẹ sang công nghiệp nặng, từ sản xuất thâm dụng lao động sang sản xuất thâm dụng vốn, từ chế tạo sang chủ nghĩa tư bản tài chính, và từ trạng thái tiết kiệm cao sang trạng thái phúc lợi tiêu dùng.

Bài học cho Việt Nam:

- Xác định con đường tư duy và phát triển:

70 năm qua, chế độ và thể chế chính trị của Trung Quốc đã hình thành và vận hành với mô thức: “Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, quản trị đất nước theo pháp luật” và bốn chế độ cơ bản “chế độ đại hội đại biểu nhân dân, chế độ hợp tác đa đảng do Đảng Cộng sản lãnh đạo và hiệp thương chính trị; chế độ tự trị dân tộc và chế độ tự trị quần chúng cơ sở”.

- Giải phóng tư tưởng, giải phóng sức lao động:

Từ cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thực hiện tốt việc giải phóng và phát triển sức sản xuất xã hội, thực hiện mạnh mẽ tiến trình dân chủ hóa kinh tế, tiếp sau đó là từng bước dân chủ hóa đời sống chính trị, xã hội. Phát huy được các nguồn lực trong và ngoài nước; phát huy được tính tích cực, trí tuệ của đông đảo các tầng lớp xã hội.

- Tổng kết thực tiễn, khái quát lý luận, nâng cao năng lực cầm quyền

Tiến trình xây dựng HXH XHCN ở Trung Quốc thực hiện kết hợp giữa sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân làm chủ và quản trị đất nước theo pháp luật; giải quyết mối quan hệ giữa cải cách kinh tế và chính trị - xã hội; phát huy sáng tạo của đội ngũ trí thức, tính tích cực của các tầng lớp xã hội. Xây dựng hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả, hiệu lực pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật, minh bạch, nâng cao năng lực quản trị quốc gia.

Con đường phát triển phải là con đường sáng tạo, trước hết là sáng tạo lý luận, trên cơ sở đó, đề ra đường lối chủ trương chính sách. “Không có lý luận cách mạng sẽ không có vận động cách mạng”; không có lý luận, sẽ không có sáng tạo trong thực tiễn.

ĐCS Trung Quốc không ngừng tìm tòi cải cách phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền. Nhân tố có ý nghĩa then chốt đối với cải cách chính trị là xây dựng Đảng, là tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, là tư tưởng và đường lối đúng đắn của Đảng và vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XVIII, Tổng Bí thư Tập Cận Bình cho rằng, muốn giải quyết tốt mọi việc của Trung Quốc, then chốt nằm ở Đảng, Đảng phải quản Đảng, quản lý Đảng phải nghiêm [31].

- Phát triển hoà bình

Mỗi bước thành công của tiến trình xây dựng hiện đại hóa XHCN ở Trung Quốc đều gắn với những bước phát triển hòa bình, được cộng đồng nhân loại ghi nhận và tin tưởng. “Giấc mơ Trung Quốc” có thể động viên tinh thần yêu nước, phát huy các nguồn lực to lớn đối với Trung Quốc, giúp Trung Quốc đi sâu cải cách toàn diện. Song, việc giương cao chủ trương ‘đại chấn hưng dân tộc Trung Hoa’ nếu không được kiểm soát tốt sẽ dẫn tới chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xem nhẹ lợi ích của các nước, không tuân thủ luật pháp quốc tế, bá quyền.